TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 724/2025/DS-PT
Ngày: 19-9-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực T – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1035/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Xuân T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Địa chỉ cũ xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang)

- *Bị đơn:*

1/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1955;

2/ Ông Phạm Thành X, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, tỉnh Đồng Tháp. (Địa chỉ cũ xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị H, Phạm Thành X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Võ Thị Xuân T trình bày:*

Ngày 06-5-2013 âm lịch, bà Lê Thị H có mở góp vốn xoay vòng (hụi 500.000 đồng/tháng bao gồm 02 dây, mỗi dây với 17 người tham gia bao gồm cá lại 03 phần vốn xoay ông Ba M cho bà với số tiền là 6.000.000 đồng. Từ ngày 06-11-2013 âm lịch đến tháng 9-2014, bà đã đóng đầy đủ đến mãn hụi bao gồm 01 phần riêng của bà và 03 phần được bà H sang lại. Tổng số tiền hụi bà H thiếu bà là 30.000.000 đồng, nhưng bà H không giao tiền cho bà.

Ngày 15-12-2013 âm lịch, bà H có mở góp vốn xoay vòng (hụi) 1.000.000 đồng/tháng, có 20 người tham gia bao gồm cả bà. Bà đóng được 06 tháng thì bà H ngưng góp nữa. Tổng số tiền bà H thiếu bà là 6.000.000 đồng.

Ngày 16-11-2013 âm lịch, bà H có mượn bà số tiền là 5.000.000 đồng, hứa 03 tháng sẽ trả lại, có biên nhận mượn nợ, nhưng bà H không trả. Sau đó, bà có cho bà H mượn thêm 3.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ hụi và tiền bà H mượn bà là 44.000.000 đồng. Sau đó, bà H đã trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và chồng bà H là ông Phạm Thành X trả cho bà số tiền 41.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Lê Thị H, ông Phạm Thành X trình bày:* Ông bà thừa nhận có nợ bà T số tiền 44.000.000 đồng như bà T trình bày, đã trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng, còn thiếu số tiền 41.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, ông bà xin 03 tháng trả cho bà T số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Các điều 463, 471, 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân T.

1. Buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Thành X liên đới trả cho bà Võ Thị Xuân T số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi mốt triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 23/4/2025, bị đơn Lê Thị H, Phạm Thành X có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của TAND huyện T, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn ông Phạm Thành X, bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn bà Võ Thị Xuân T không đồng ý theo kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét các đương sự đã thống nhất số tiền nợ hụi, nợ vay bà H còn nợ bà T số tiền 41.000.000 đồng. Ông X, bà H kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng là không phù hợp quy định pháp luật và phía nguyên đơn không đồng ý cho trả dần nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X, bà T. Giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực T - Đồng Tháp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Thành X, bà Lê Thị H thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản; hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Thành X, bà Lê Thị H, nhận thấy:

Việc góp hụi giữa các bên được thực hiện từ năm 2013 tại thời điểm tham gia hợp đồng góp hụi các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các bên thống nhất số tiền nợ hụi, tiền vay, bà Lê Thị H thừa nhận có nợ tiền vay và tiền hụi của bà T số tiền 41.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông X, bà H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 41.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông X, bà H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là không có cơ sở vì yêu cầu xin trả dần của ông X, bà H nhằm kéo dài thời gian trả nợ, chiếm dụng đồng vốn của bà T làm ảnh hưởng quyền lợi của bà T. Đồng thời, yêu cầu xin trả dần của ông X, bà H không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông X, bà H.

[4] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông X, bà H không có cơ sở nên không được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thành X, bà Lê Thị H. Giữ nguyên bản án số 31/2025/DS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực T - Đồng Tháp).

Căn cứ các điều 463, 471, 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân T.

- Buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Thành X liên đới trả cho bà Võ Thị Xuân T số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí: Bà H, ông X được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực T – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy